

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH BÌNH  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 21 – 6 – 2021  
V/v tranh chấp về hôn nhân và gia  
đình ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Bạch Phiến.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Hoàng Minh;

2. Bà Võ Thị Thủy.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trịnh Thanh Phong – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Ông Võ Thanh Trường Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 34/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2021 về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Trương Thị K, sinh năm 1987.

Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 101/B, ấp 1, xã 2, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Nơi ở hiện nay: Ấp 3, xã 4, thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp. Có mặt.

**- Bị đơn:** Anh Lê Văn H, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Số nhà 101/B, ấp 1, xã 2, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp. Vắng mặt lần thứ hai, không rõ lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Trong đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Chị Trương Thị K trình bày:*

Chị Trương Thị K và Anh Lê Văn H chung sống với nhau có tổ chức đám cưới năm 2008, đăng ký kết hôn vào ngày 08/10/2010, tại Ủy ban nhân dân xã 2, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp. Trước khi kết hôn, Chị K và Anh H không có quen

biết, tìm hiểu trước, mà thông qua mai mối mới kết hôn. Việc anh chị kết hôn là tự nguyện, không bị ai cưỡng ép hay lừa dối kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống vẫn hạnh phúc. Đến năm 2017, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do Anh H tham gia tệ nạn xã hội (đánh bài, đá gà), Chị K khuyên ngăn không được, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Đến tháng 01 năm 2020, vợ chồng ly thân cho đến nay. Từ khi ly thân đến nay, Anh H chỉ liên lạc qua điện thoại với Chị K để gặp con, vợ chồng không có hàn gắn với nhau. Hiện nay, Chị K không còn tình cảm vợ chồng với Anh H, không muốn hàn gắn đoàn tụ với Anh H nữa.

Chị Trương Thị K và Anh Lê Văn H có 01 con chung tên Lê Hữu N, sinh ngày 10/8/2009. Hiện nay, cháu N đang sống với Chị K, tại ấp 3, xã 4, thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp. Cháu N đang học lớp 6, tại trường trung học cơ sở An Bình B, xã 3, thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Nay Chị Trương Thị K yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Chị Trương Thị K yêu cầu ly hôn với Anh Lê Văn H.

- Về con chung: Chị Trương Thị K yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Lê Hữu N, sinh ngày 10/8/2009, yêu cầu Anh H cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng hàng tháng là  $\frac{1}{2}$  mức lương cơ sở do Nhà nước quy định vào từng thời điểm thi hành án đến khi cháu N thành niên.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Bị đơn Anh Lê Văn H không có văn bản trình bày ý kiến.*

*\* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, cần phê phán rút kinh nghiệm.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Trương Thị K: Cho Chị Trương Thị K được ly hôn với Anh Lê Văn H; Giao cháu Lê Hữu N, sinh ngày 10/8/2009 cho Chị Trương Thị K được quyền nuôi dưỡng đến khi cháu N thành niên, Anh H phải cấp dưỡng nuôi con cho Chị K theo quy định pháp luật.

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:

- Đơn khởi kiện ngày 31/8/2020 của Chị Trương Thị K (bản chính).

- Giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của Chị Trương Thị K (bản sao có chứng thực).

- Trích lục kết hôn giữa Chị Trương Thị K và Anh Lê Văn H (bản sao).

- Giấy khai sinh của cháu Lê Hữu N (bản sao có chứng thực).

- Đơn xin xác nhận nơi cư trú của người bị kiện (bản chính).

- Bản khai ngày 06/4/2021 của cháu Lê Hữu N (bản chính).

- Biên bản xác minh ngày 23/4/2021 (bản chính).

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của Chị Trương Thị K và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Lê Văn H cư trú tại ấp 1, xã 2, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Lê Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa, không rõ lý do; nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Anh H là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ, nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Trương Thị K và Anh Lê Văn H đăng ký kết hôn vào ngày 08/10/2010, tại Ủy ban nhân dân xã 2, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp. Việc anh chị kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai cưỡng ép hay lừa dối kết hôn. Việc kết hôn giữa Chị Trương Thị K và Anh Lê Văn H là đúng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, Chị Trương Thị K xác định: Từ năm 2017, vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn do Anh H tham gia tệ nạn xã hội (đánh bài, đá gà), Chị K khuyên ngăn không được, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Đến tháng 01 năm 2020, vợ chồng anh chị ly thân cho đến nay. Từ khi ly thân đến nay, Anh H chỉ liên lạc qua điện thoại với Chị K để gặp con, vợ chồng không có hàn gắn với nhau. Hiện nay, Chị K không còn tình cảm vợ chồng với Anh H, không muốn hàn gắn với Anh H nữa. Điều này chứng minh, hôn nhân giữa Chị K và Anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu ly hôn của Chị Trương Thị K đối với Anh Lê Văn H là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Chị Trương Thị K và Anh Lê Văn H có một con chung tên Lê Hữu N, sinh ngày 10/8/2009. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, Anh H không có nguyện vọng nuôi con; Từ khi anh chị ly thân đến nay cháu N đang sống với Chị K tại ấp 3, xã 4, thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp; hiện nay cháu đang học tại Trường Trung học cơ sở An Bình B, xã An Bình B, thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp; cháu N có nguyện vọng được sống với Chị K; Vì vậy, để đảm bảo cho sự

phát triển ổn định của cháu N, cần tiếp tục giao cháu N cho Chị K nuôi dưỡng đến khi cháu N thành niên là phù hợp.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của Chị Trương Thị K đối với Anh Lê Văn H là yêu cầu Anh Lê Văn H cấp dưỡng cho cháu Lê Hữu N, sinh ngày 10/8/2009 theo mức cấp dưỡng hàng tháng là  $\frac{1}{2}$  mức lương cơ sở do Nhà nước quy định vào từng thời điểm cấp dưỡng đến khi cháu N thành niên là phù hợp với quy định pháp luật, nhu cầu thiết yếu của cháu N, nên chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng của Chị K đối với Anh H.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, Chị K xác định chị và Anh H không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nhưng không có ý kiến của Anh H, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này; nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Về án phí: Chị Trương Thị K phải chịu án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 69, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và khoản 1 Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Trương Thị K.

- Về hôn nhân: Chị Trương Thị K được ly hôn với Anh Lê Văn H.

- Về con chung: Giao cháu Lê Hữu N, sinh ngày 10/8/2009 cho Chị Trương Thị K được quyền nuôi dưỡng đến khi cháu N thành niên.

Chị Trương Thị K và Anh Lê Văn H có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh Lê Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Lê Văn H có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Lê Hữu N, sinh ngày 10/8/2009 theo mức cấp dưỡng hàng tháng là  $\frac{1}{2}$  mức lương cơ sở do Nhà nước quy định vào từng thời điểm cấp dưỡng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án (ngày 21/6/2021) đến khi cháu N thành niên.

- Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về án phí:

Chị Trương Thị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BI/2019/0011071 ngày 08/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình. Chị Trương Thị K đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Lê Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- Chi cục THADS huyện Thanh Bình;
- UBND xã 2;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Trần Thị Bạch Phiến**